|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xuất kho |
| Tác nhân | Nhân viên kho |
| Tiền điều kiện | * Hệ thống có dữ liệu tồn kho chính xác. * Có yêu cầu xuất kho hợp lệ (từ bộ phận kinh doanh, sản xuất...). * Nhân viên kho có quyền thực hiện thao tác xuất kho. |
| Luồng sự kiện chính  (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | stt | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Nhân viên kho | Nhân viên kho nhận yêu cầu xuất kho từ bộ phận liên quan. | | 2. | Hệ thống | Hệ thống kiểm tra tồn kho để xác nhận số lượng hàng có thể xuất. | | 3. | Nhân viên kho | Nếu đủ hàng, nhân viên kho lập phiếu xuất kho trên hệ thống. | | 4. | Nhân viên kho | Gửi phiếu xuất kho cho bộ phận kế toán để duyệt. | | 5. | Bộ phân kế toán | Kiểm tra và duyệt phiếu xuất kho. Nếu hợp lệ, xác nhận cho nhân viên kho. | | 6. | Nhân viên kho | Tiến hành xuất hàng, cập nhật số lượng hàng tồn trong hệ thống. | | 7. | Hệ thống | Ghi nhận thông tin xuất kho, cập nhật tồn kho tự động. | | 8. | Nhân viên kho | Lưu trữ chứng từ xuất kho theo quy định. | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a | Hệ thống | Nếu tồn kho không đủ, hệ thống báo lỗi. Nhân viên kho thông báo lại cho bộ phận yêu cầu. | | 4a | Bộ phân kế toán | Nếu phiếu xuất kho không hợp lệ, bộ phận kế toán từ chối duyệt. Nhân viên kho cần điều chỉnh. | | 6a | Hệ thống | Nếu có lỗi hệ thống không cập nhật tồn kho, nhân viên kho ghi nhận thủ công và báo IT xử lý. | |
| Hậu điều kiện | •  Nếu thành công:   * Hàng hóa được xuất kho thành công. * Hệ thống cập nhật tồn kho chính xác. * Chứng từ xuất kho được lưu trữ đầy đủ.   •  Nếu thất bại:   * Hệ thống và bộ phân kế toán báo lại nhân viên kho. |